

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2025/DS-PT
Ngày 15-01-2025
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng; bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 11 năm 2024, ngày 09 và 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 124A/2024/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 493/2024/QĐ-PT ngày 18 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Vũ Trường G, sinh năm 1996; cư trú tại: Ô, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Kim Cẩm T, sinh năm 1988; cư trú tại: khu phố N, phường N, Thành phố T, tỉnh Tây Ninh, (Văn bản ủy quyền ngày 06-11-2023); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1975; vắng mặt.

2.2. Bà Ngô Thị D, sinh năm 1982; cùng cư trú tại: Ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Phụng Đức H, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 05-6-2024); có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 13-6-2023, ông Huỳnh Vũ Trường G có cho vợ chồng ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D vay số tiền 2.280.000.000 đồng, có giấy nợ do bà D ký tên, thỏa thuận thời hạn trả nợ vào ngày 13-7-2023, không thỏa thuận lãi suất, ông T1, bà D có giao cho anh G giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà D đứng tên để làm tin. Đến hạn trả nợ ông T1, bà D không trả số tiền trên nên ngày 16-8-2023, ông T1, bà D tiếp tục làm giấy cam kết sẽ trả tiền cho anh G vào ngày 13-9-2023 (nhưng giấy cam kết ghi nhầm số tiền là 2.250.000.000 đồng, vợ chồng ông T1, bà D cam kết đến hết ngày 13-9-2023 không có khả năng trả nợ thì ông T1, bà D sẽ làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T1, bà D giao cho anh G giữ, nhưng đến hạn ông T1, bà D cũng không thực hiện cam kết. Nay ông G yêu cầu ông T1, bà D phải trả số tiền nợ gốc là 2.280.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 13-6-2023. Ngoài ra, ông G không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Vợ chồng ông T1, bà D chỉ quen biết làm ăn với bà Nguyễn Kim T2 mẹ ruột anh G. Ông T1, bà D vay tiền của bà T2 và bà Lê Tuyết B để kinh doanh. Thực tế, bà B chỉ đứng giúp trên hợp đồng vay cho bà T2 (theo hợp đồng thỏa thuận nhận tiền viết tay vào ngày 28-10-2022). Do mức lãi 6%/tháng là quá cao cùng với khó khăn trong việc kinh doanh nên ông T1, bà D mất khả năng trả nợ cho bà T2. Đến khoảng tháng 6-2023, do chưa có đủ tiền trả lại cho bà T2, bà B, nên bà T2 ép buộc vợ chồng ông T1, bà D ký vào giấy vay tiền viết tay ngày 13-6-2023 với ông Huỳnh Vũ Trường G, với số tiền vay là 2.280.000.000 đồng, mục đích là để trả lãi cho bà T2, bà B của hai khoản vay khác nên sau khi ký giấy vay tiền thì ông T1, bà D không có nhận bất cứ khoản tiền nào của anh G. Ngoài ra, bà T2 buộc ông T1, bà D giao 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G giữ để đảm bảo số nợ vay. Ngày 16-8-2023, bà T2 ép buộc ông T1, bà D ký vào 01 giấy cam kết viết tay do bà T2 viết với nội dung như anh G trình bày. Nay ông T1, bà D không đồng ý trả số tiền 2.280.000.000 đồng theo yêu cầu của ông G và ông T1, bà D yêu cầu ông G trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 327116, sổ vào sổ cấp GCN CS 08155 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà D đứng tên ngày 09-12-2021. Ngoài ra, ông T1, bà D không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 124A/2024/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Huỳnh Vũ Trường G đối với ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc ông Trần Văn T1 và bà Ngô Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Vũ Trường G số tiền nợ 2.523.390.000 đồng (hai tỷ năm trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng), (trong đó nợ gốc 2.280.000.000 đồng và tiền lãi 243.390.000 đồng).

1.2. Buộc ông Huỳnh Vũ Trường G trả lại cho ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính) số DD 327116, sổ vào sổ cấp GCN CS 08155, đối với thửa đất số 307, tờ bản đồ số 63, diện tích 2.001,5m², do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Ngô Thị D đứng tên ngày 09-12-2021, tọa lạc tại ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14-8-2024, bị đơn ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử huỷ bản án sơ thẩm với các lý do sau:

Vợ chồng ông bà không quen biết ông G, chỉ quen bà B mẹ ông G; cấp sơ thẩm không xem xét đối với chứng cứ là bản ghi âm do bị đơn nộp cho Tòa án; khoản vay ngày 13-6-2023 là tiền lãi của 02 khoản vay khác mà vợ chồng ông bà vay của bà B và bà T2, ông bà không nhận tiền; cấp sơ thẩm không triệu tập bà T2, bà B tham gia tố tụng, không nhập 3 vụ án giải quyết chung là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, huỷ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D yêu cầu nhập 03 vụ án dân sự theo Thông báo thụ lý số 464/2023/TB-TLVA ngày 24-11-2023; số 67/2023/TB-TLVA ngày 24-11-2023 và vụ án theo đơn khởi kiện của bà Lê Tuyết B ngày 22-11-2023 để giải quyết trong cùng vụ án; đề nghị đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim T2 và bà Lê Tuyết B tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông G và yêu cầu khởi kiện của bà T2, bà B đối với vợ chồng ông T1, bà D là những yêu cầu khởi kiện độc lập; đối với bà T2, bà B, Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập lấy lời khai. Việc không nhập các vụ án, không đưa bà T2, bà B tham gia tố tụng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, người đại diện hợp pháp của bị đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị huỷ án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, thấy rằng:

[2.1] Ông T1, bà D thừa nhận giữa vợ chồng ông bà và bà T2, mẹ của ông G, có giao dịch vay tiền với nhau nhiều lần. Việc ông T1 bà D vay tiền của ông G vào ngày 13-6-2023 là do bà T2 giới thiệu. Ông T1 bà D cho rằng việc ông bà làm giấy nợ anh G số tiền 2.280.000.000 đồng thực chất chỉ là tiền lãi của những số tiền ông T1, bà D vay của bà T2, ông bà không nhận tiền từ ông G.

Xét lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ do các bên đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giấy nợ ngày 13-6-2023 có thể hiện số tiền vay, thời hạn vay và mục đích vay tiền. Hai bên đương sự thừa nhận phần mục đích vay tiền có ghi nội dung: “Trả chị T2, mượn Tuyến trả B” nhưng đều đã bị xoá bằng bút xoá, tuy nhiên, các bên đương sự xác định vẫn có thể đọc được. Nội dung này không thể hiện đây là tiền lãi.

Bị đơn cung cấp một đoạn video clip dài 02 phút 08 giây, ghi lại một khoảng thời gian khi ông T1, bà D viết giấy nợ ngày 13-6-2023 (không ghi lại toàn bộ quá trình). Xét nội dung thể hiện trong đoạn video clip, thấy rằng: video clip không ghi được hình ảnh diễn biến sự việc mà chỉ nghe được tiếng nói, trong đó, có thể hiện nội dung ông T1 bà D đề nghị ghi mục đích vay và nói rằng không nhận tiền từ ông G, tuy nhiên, cũng chính bị đơn thay đổi nội dung này và đồng ý sửa đổi nếu bà T2 không thống nhất nội dung đã ghi. Ngoài ra, đoạn clip còn thể hiện nội dung khác là ông T1 bà D đề nghị phần mục đích vay có thể ghi nội dung trả cho bà B hoặc ông Q.

Nguyên đơn cho rằng sau khi ghi giấy nợ, do không đồng ý với nội dung ghi mục đích vay nên hai bên đã xoá bỏ. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với chứng cứ là giấy nợ ngày 13-6-2023 và đoạn video clip do bị đơn cung cấp.

[2.2] Hơn nữa, khi đến hạn trả nợ vay, thì ngày 16-8-2023, ông T1, bà D tiếp tục ký vào “Bản cam kết” với ông G, hẹn ngày trả nợ và thoả thuận xử lý tài sản thế chấp. Và cùng thời điểm này, ông T1 bà D cũng làm giấy cam kết trả nợ cho bà T2 và bà B, không đề cập đến tiền lãi.

[2.3] Mặt khác, khi lý giải về nguồn gốc phát sinh số tiền lãi 2.280.000.000 đồng, bị đơn có nhiều văn bản trình bày khác nhau về số nợ gốc và nợ lãi đối với

bà T2 (bút lục 58, 59, 108, 109, 111, 112); bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, do đó, không đủ cơ sở xác định số tiền lãi phát sinh từ số tiền gốc nào. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ mới là đoạn ghi âm ngày 16-8-2023 vào thời điểm ông T1 bà D ký 03 bản cam kết cho ông G, bà B, bà T2. Nội dung đoạn ghi âm cũng không thể hiện các bên có đề cập đến số tiền lãi, cũng không có việc ép buộc phải viết giấy cam kết như bị đơn trình bày.

Do đó, không đủ cơ sở xác định số tiền ông T1 bà D vay ông G 2.280.000.000 đồng theo “Giấy mượn nợ” ngày 13-6-2023 là tiền lãi của những số tiền ông T1, bà D vay của bà T2.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị hủy bản án sơ thẩm để nhập các vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Án phí: Ông T1, bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Căn cứ Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Vũ Trường G đối với ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

1.1. Buộc ông Trần Văn T1 và bà Ngô Thị D có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Vũ Trường G số tiền 2.523.390.000 đồng (hai tỷ năm trăm hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng), (trong đó nợ gốc 2.280.000.000 đồng và tiền lãi 243.390.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.2. Buộc ông Huỳnh Vũ Trường G trả lại cho ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính) số DD 327116, số vào sổ cấp GCN CS 08155, đối với thửa đất số 307, tờ bản đồ số 63, diện tích 2.001,5 m², do Sở Tài nguyên và Môi trường

tỉnh T cấp cho bà Ngô Thị D đứng tên ngày 09-12-2021, tọa lạc tại ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn T1 và bà Ngô Thị D phải chịu 82.468.000 đồng (tám mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Huỳnh Vũ Trường G số tiền 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013377 ngày 22-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn T1, bà Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tại biên lai số 0014377 ngày 19-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- TAND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai